



De-v2 - IS336

Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)



Scan to open on Studocu

Đề thi số: 01

| | |
|---|---------------------------------------|
| HỌ VÀ TÊN SV: MSSV: STT: Chữ ký của cán bộ coi thi 1: | Chữ ký của cán bộ coi thi 2: |
| Điểm: | |

Lưu ý: (ĐỀ KHÔNG tham khảo tài liệu, sinh viên làm trên đề và nộp lại đề sau khi thi xong. Giám thị không giải thích gì thêm).

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (5 đ) Hãy đánh dấu (X) vào một ô đáp án đúng nhất.
(Gồm 20 câu- mỗi câu 0.25 điểm)

PHẦN TRẢ LỜI

| | A | B | C | D |
|-----|---|---|---|---|
| 1. | | | | |
| 2. | | | | |
| 3. | | | | |
| 4. | | | | |
| 5. | | | | |
| 6. | | | | |
| 7. | | | | |
| 8. | | | | |
| 9. | | | | |
| 10. | | | | |

| | A | B | C | D |
|-----|---|---|---|---|
| 11. | | | | |
| 12. | | | | |
| 13. | | | | |
| 14. | | | | |
| 15. | | | | |
| 16. | | | | |
| 17. | | | | |
| 18. | | | | |
| 19. | | | | |
| 20. | | | | |

PHẦN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. **Đối tượng** nào sau đây không thuộc Đơn hàng bán (Sale Order)

- A. Khách hàng
- B. Nhà cung cấp
- C. Mặt hàng
- D. Đơn giá

2. **Trong qui trình bán hàng, dữ liệu nào được liệt kê sau đây là dữ liệu nền (master data)**
 - A. Phiếu xuất kho
 - B. Hóa đơn
 - C. Danh mục khách hàng
 - D. Bảo giá
3. **Customer lead time thể hiện khoảng thời gian nào sau đây**
 - A. Thời gian trung chuyển
 - B. Thời gian gom hàng và đóng gói
 - C. Thời gian chất hàng
 - D. Thời gian giao hàng hứa với khách khi nhận đơn hàng
4. **Trong qui trình sản xuất, dữ liệu nào được liệt kê sau đây là dữ liệu giao dịch (transaction data)**
 - A. Bill of Material (BOM)
 - B. Product information
 - C. Work Center
 - D. Production Order (Manufacturing Order)
5. **Chứng từ nào sau đây không thuộc qui trình sản xuất**
 - A. Phiếu xuất kho nguyên vật liệu
 - B. Lệnh sản xuất
 - C. Đơn bán hàng
 - D. Phiếu nhập kho thành phẩm
6. **Tài khoản phải trả -331 dùng để ghi nhận công nợ của đối tượng nào sau đây**
 - A. Nhà cung cấp
 - B. Khách hàng
 - C. Nhân viên
 - D. Đối tượng khác
7. **Trong qui trình mua hàng, chứng từ nào sau đây không tương tác với phân hệ kế toán**
 - A. Phiếu nhập kho
 - B. Hóa đơn
 - C. Đơn mua hàng
 - D. Phiếu thanh toán (Phiếu chi/Báo Nợ)
8. **Chỉ phí nào sau đây là chi phí khi triển khai ERP?**
 - A. Phần cứng
 - B. Tư vấn
 - C. Đào tạo
 - D. Tất cả những điều trên
9. **Điều nào sau đây là đúng?**
 - A. Hệ thống ERP chỉ được sử dụng cho các tổ chức lớn
 - B. Hệ thống ERP chỉ được sử dụng trong các tổ chức nhỏ
 - C. Hệ thống ERP được sử dụng trong cả các tổ chức lớn và nhỏ
 - D. Hệ thống ERP được sử dụng trong lập kế hoạch dài hạn
10. **Hệ thống ERP giúp:**
 - A. Giải quyết xung đột giữa các bộ phận
 - B. Đáp ứng các nhu cầu khác nhau của khách hàng
 - C. Tự động hóa quy trình và chức năng kinh doanh, xử lý thông tin, v.v.

D. Tích hợp hệ thống thông tin

11. Điều nào sau đây là “cốt lõi” của hệ thống ERP

- A. Cơ sở dữ liệu
- B. Thông tin
- C. Con người, nhân viên sử dụng
- D. Khách hàng

12. Sự khác biệt cơ bản trong một tổ chức trước và sau khi triển khai ERP là gì?

- A. Các phòng ban có thể không cùng chung một vị trí địa lý.
- B. Cơ sở dữ liệu giữa các phòng ban có thể chia sẻ cho nhau
- C. Cơ sở dữ liệu tập trung cho tất cả các phòng ban
- D. Tất cả những điều trên

13. Mô tả nào là ĐÚNG về khái niệm của Master data

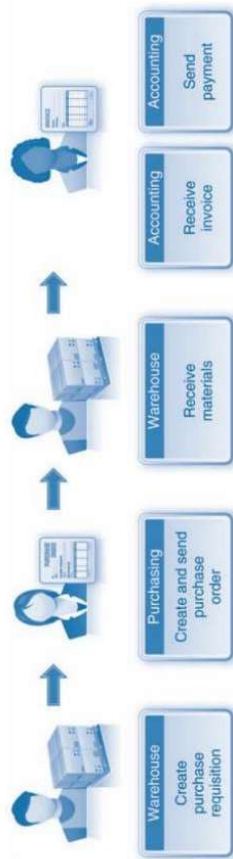
- A. Master data mô tả dữ liệu về cấu trúc phân cấp trong tổ chức
- B. Master data mô tả dữ liệu hoạch định chiến lược chung của tổ chức
- C. Master data mô tả đối tượng/thực thể chính có liên kết với tổ chức và xuất hiện tại nhiều bước xử lý/nghệp vụ
- D. Master data mô tả dữ liệu phát sinh từ phân hệ bán hàng và mua hàng

14. Câu nói sau đây mô tả quy trình nghiệp vụ nào: “...Sử dụng dữ liệu lịch sử và dự báo bán hàng để lên kế hoạch mua sắm nguyên vật liệu và sản xuất sản phẩm”?

- A. Material Planning
- B. Procurement Process
- C. Production Process
- D. Fulfillment Process

15. Biểu đồ (Hình 1) sau đây thể hiện qui trình

- A. Bán hàng (fulfillment/sales process)
- B. Mua hàng (procurement/buying process)
- C. Nhập kho (inventory process)
- D. Sản xuất (production process)



Hình 1

16. Bước đầu tiên của quy trình sản xuất

- A. Authorize Production
- B. Request Production
- C. Create Product
- D. Receive Finished Goods

17. Hoạt động nghiệp vụ (Business Process) nào mà mọi loại hình doanh nghiệp đều có

- A. Hoạt động hỗ trợ khách hàng (customer services)
- B. Hoạt động bán hàng (Sales/Fulfillment)
- C. Hoạt động tài chính/kế toán (Financing/Accounting)
- D. Hoạt động sản xuất (Production).

18. Loại kế toán nào sau đây liên quan trực tiếp đến customer

- A. General ledger accounting (Số cái)
- B. Accounts receivable accounting (Tài khoản phải thu)
- C. Accounts payable accounting (Tài khoản phải trả)
- D. Cả 3 câu trên đều đúng

19. Phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. Kế toán phải thu phải liên quan đến khách hàng
- B. Chi phí (Expenses) là những gì công ty nợ những người khác, bao gồm tiền nợ các nhà cung cấp và khoản vay từ các tổ chức tài chính
- C. Kế toán phải trả không liên quan đến quá trình bán hàng
- D. Trong kế toán phải thu, khi thực hiện, thanh toán, tài khoản ngân hàng được ghi nợ và ghi có tài khoản khách hàng tương ứng

20. Trong quy trình bán hàng, khi invoice được tạo ra sẽ làm cho các tài khoản sau đây thay đổi

- A. Tài khoản doanh thu tăng, Tài khoản công nợ khách hàng tăng
- B. Tài khoản doanh thu tăng, Tài khoản giá vốn hàng bán tăng
- C. Tài khoản doanh thu giảm, Tài khoản giá vốn hàng bán giảm
- D. Tài khoản doanh thu giảm, Tài khoản công nợ khách hàng giảm

PHẦN 2: TỰ LUẬN TỰ CHỌN (5 đ)

Sinh viên có thể tự chọn một trong 03 mục A, B, C để làm phần tự luận

Mục A

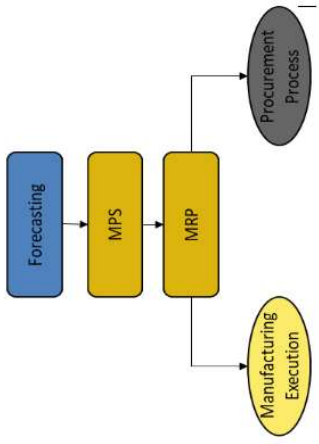
1. Đứng trong vai trò nhà hoạch định kế hoạch sản xuất của một doanh nghiệp bán kem. Sinh viên hãy nêu lên kế hoạch sản xuất cho các tháng sắp tới (điền vào các ô còn thiếu của Bảng 1) (1 điểm)

Bảng 1

| | T1 | T2 | T3 |
|-------------------|----|----|----|
| Dự báo | 15 | 10 | 13 |
| Đơn hàng đã có | 5 | 0 | 1 |
| Tồn kho | 10 | | |
| Kế hoạch sản xuất | | | |
| | | | |

2. Mô hình bên dưới (Hình 2) là mô hình rút gọn của một hệ thống ERP (odoo) bao gồm các chức năng: Forecasting, Master Procurement Scheduling (MPS) , MRP,

Manufacturing Execution, Procurement Process. Sinh viên hãy phân tích mô hình này, chỉ ra ý nghĩa của các chức năng và chỉ ra các Master Data, Transaction Data tương ứng với từng chức năng này. (2 điểm)



Hình 2

3. Đối với doanh nghiệp sản xuất mì gói ăn liền sẽ sử dụng chiến lược Procurement nào (MTO/MTS). Trình bày quy trình sản xuất mà các bạn đề xuất cho doanh nghiệp. (2 điểm)

Mục B

- 1. Trình bày hay vẽ sơ đồ mô tả các loại chứng từ/chức năng tương ứng đối lập nhau giữa quá trình mua hàng và quá trình bán hàng. (1 điểm).
- 2. Trong vai trò của một người lập trình sẽ lập trình chức năng tính kế hoạch tổng hợp cho một doanh nghiệp sản xuất điện thoại, sinh viên hãy tính kế hoạch tổng hợp cho các tháng bằng cách điền vào các ô trống còn thiếu giá trị trong bảng 2 sau (2 điểm).

Bảng 2

| | T1 | T2 | T3 | T4 |
|------------------------------|--------|--------|--------|--------|
| Tồn kho đầu kỳ | 5.000 | | | |
| Dự báo | 20.000 | 18.000 | 25.000 | 20.000 |
| Tồn kho an toàn (20% dự báo) | | | | |
| Lượng cần sản xuất | | | | |
| Tồn kho cuối kỳ | | | | |

3. Nếu lần lượt theo thứ tự các bước cơ bản hay vẽ sơ đồ tổng quát của quá trình bán hàng, giải thích chức năng của mỗi bước. (2 điểm).

Mục C

- 1. Trình bày hay vẽ sơ đồ mô tả các loại chứng từ/chức năng tương ứng đối lập nhau giữa quá trình mua hàng và quá trình bán hàng. (1 điểm).
- 2. Trình bày các phương pháp tính giá vốn hàng bán. Trong ngành hàng đồ điện tử, điện máy thì nên chọn phương pháp tính giá vốn nào? Giải thích lý do bạn chọn. (2 điểm)
- 3. Theo bạn, có những yếu tố nào ảnh hưởng đến việc triển khai thành công hệ thống ERP ở thị trường Việt Nam? Giải thích vì sao? (2 điểm)

Hết

(Lưu ý: Làm bài trên đề, CBCT không giải thích gì thêm)

Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng 01 năm 2021

Duyệt đề của Khoa/Bộ môn
(ký và ghi rõ họ tên)
PHO KHOA

TM Tổ ra đề
(ký và ghi rõ họ tên)

ThS.Nguyễn Thị Kim Phụng

ThS.Đỗ Duy Thanh

PHẢN TRẢ LỜI TỰ TUẬN

This image shows a full page of a handwriting practice worksheet. It features 20 vertical dotted lines spaced evenly across the page, providing guides for letter width and placement. The background is plain white, and there are no other markings or text present.This image shows a full page of a handwriting practice worksheet. It features 20 vertical dotted lines spaced evenly across the page, providing guides for letter width and placement. The background is plain white, and there are no other markings or text present.

[illegible][illegible]